

QUAN HỆ KINH TẾ TRIỀU TIÊN - TRUNG QUỐC

BÙI ĐÔNG HƯNG*

Tóm tắt: Quan hệ kinh tế với Trung Quốc đóng vai trò then chốt trong chiến lược phát triển của Triều Tiên, đặc biệt khi quốc gia này chịu sức ép ngày càng lớn từ các lệnh trừng phạt quốc tế. Là đối tác lớn nhất về thương mại, đầu tư và viện trợ, Trung Quốc không chỉ cung cấp nguồn lực thiết yếu mà còn tác động sâu sắc đến cấu trúc và định hướng kinh tế của Triều Tiên. Tuy nhiên, mối quan hệ này cũng không hoàn toàn ổn định. Từ khi Kim Jong Un lên nắm quyền năm 2011, các vụ thử vũ khí liên tiếp đã khiến quan hệ chính trị song phương rạn nứt, các lệnh trừng phạt quốc tế càng khiến quan hệ kinh tế giữa hai nước thêm phức tạp. Bài viết dựa trên dữ liệu thương mại và các báo cáo chính thức, phân tích quan hệ kinh tế giữa Triều Tiên và Trung Quốc, làm rõ tầm quan trọng, những hạn chế và hệ quả của sự phụ thuộc này, qua đó góp phần lý giải sự vận động của nền kinh tế Triều Tiên.

Từ khóa: Quan hệ Triều Tiên - Trung Quốc, quan hệ thương mại, kinh tế Triều Tiên

Lĩnh vực nghiên cứu: Quan hệ quốc tế

Abstract: Economic relations with China play a key role in North Korea's development strategy, especially as the country faces mounting pressure from international sanctions. As the largest partner in trade, investment and aid, China not only provides essential resources but also has a profound impact on North Korea's economic structure and direction. However, this relationship is not entirely stable. Since Kim Jong Un came to power in 2011, successive weapons tests have caused a rift in bilateral political relations, while international sanctions have further complicated their economic relations. Drawing on trade data and official reports, this article analyzes economic relations between North Korea and China, clarifies the importance, limitations and consequences of this dependence, thereby contributing to explaining the movement of the North Korean economy.

Keywords: North Korea - China relations, trade relations, North Korean economy

(Ngày nhận bài: 14/7/2025; ngày gửi phản biện: 16/7/2025; ngày duyệt đăng: 4/9/2025)

1. Đặt vấn đề

Quan hệ kinh tế giữa Triều Tiên và Trung Quốc giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong cấu trúc kinh tế - chính trị của khu vực Đông Bắc Á. Trung Quốc là đối tác thương mại chủ yếu, là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất và là nguồn viện trợ thiết yếu đối với Triều Tiên trong bối cảnh nước này bị hạn chế tiếp cận hệ thống kinh tế toàn cầu và chịu sức ép từ các biện pháp trừng phạt quốc tế. Điều đó khiến quan hệ kinh tế

* ThS., Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Email: dhung.bui@gmail.com

song phương trở thành nền tảng duy trì ổn định kinh tế - xã hội của Triều Tiên trong nhiều giai đoạn khó khăn. Tuy vậy, hợp tác kinh tế Triều - Trung không phải lúc nào cũng ổn định mà thay đổi theo môi trường địa chính trị, đặc biệt sau các vụ thử hạt nhân, đại dịch COVID-19 và những biến động trong cạnh tranh giữa các nước lớn. Sự hạn chế về dữ liệu công khai cũng đặt ra thách thức cho việc đánh giá chính xác mức độ và tính chất của các dòng thương mại, đầu tư và viện trợ giữa hai bên.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu và đối chiếu dữ liệu thống kê từ nguồn chính thức của Trung Quốc, Liên hợp quốc và các nghiên cứu chuyên ngành, nhằm làm rõ thực trạng của quan hệ kinh tế Triều Tiên - Trung Quốc trong ba trụ cột chính, bao gồm thương mại, đầu tư và viện trợ, qua đó làm rõ tầm quan trọng của Trung Quốc đối với kinh tế Triều Tiên, đồng thời chỉ ra những hạn chế và hệ quả của sự phụ thuộc này trong sự vận động của nền kinh tế Triều Tiên.

2. Sự thiết lập quan hệ kinh tế Triều Tiên - Trung Quốc

Quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Triều Tiên là một trong những ví dụ điển hình của mô hình hợp tác quốc tế đặc thù, nơi mà yếu tố địa chính trị, ý thức hệ và chiến lược an ninh quốc gia đan xen phức tạp. Cơ sở của mối quan hệ này bắt nguồn từ Hiệp ước Hữu nghị, hợp tác và tương trợ được ký kết năm 1961 giữa hai nước, trong đó Trung Quốc cam kết hỗ trợ quân sự cho Triều Tiên nếu nước này bị tấn công. Hiệp ước này phản ánh rõ tâm lý “vùng đệm an ninh” của Trung Quốc trong chiến lược đối ngoại khi Triều Tiên được coi là lá chắn địa chính trị nhằm ngăn chặn ảnh hưởng từ Mỹ và Nhật Bản tại khu vực Đông Bắc Á. Mao Trạch Đông từng mô tả mối quan hệ Trung - Triều “gắn gũi như môi với răng”¹. Nhận định này cũng cho thấy tầm quan trọng của Triều Tiên trong chiến lược an ninh lâu dài của Bắc Kinh.

Tuy nhiên, sự thay đổi trong bối cảnh toàn cầu sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt là sự sụp đổ của Liên Xô và việc Trung Quốc ưu tiên phát triển kinh tế, đã dẫn đến sự điều chỉnh chính sách của Trung Quốc từ viện trợ không hoàn lại sang hợp tác kinh tế có điều kiện đối với Triều Tiên. Chỉ đến khi nền kinh tế Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng nhanh đầu những năm 2000, Bắc Kinh mới tăng cường trở lại các cuộc tiếp xúc cấp cao với nước này, thể hiện rõ qua chuyến thăm năm 2000 và 2001 của nhà lãnh đạo Triều Tiên Kim Jong-il đến Thượng Hải và Thâm Quyển, những nơi được coi là trung tâm cải cách mở cửa thành công của Trung Quốc. In-Soo Nam nhận định các chuyến thăm này là “dấu hiệu rõ ràng nhất cho thấy ông Kim đang xem xét

¹ International Crisis Group, “Shades of Red: China’s Debate over North Korea”, *Asia Report* No. 179 (November 2009).

cải cách như một cách để vực dậy nền kinh tế đang suy thoái của đất nước mình”². Kết quả là vào năm 2002, Triều Tiên công bố những thay đổi chính sách, trong đó có việc thành lập các đặc khu kinh tế (SEZ) tại Sinuiju và Kaesong, phá giá đồng won để thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, Triều Tiên vẫn tránh dùng từ “cải cách” nhằm duy trì sự độc lập tư tưởng với mô hình của Trung Quốc.

Sau khi Đàm phán sáu bên nhằm giải quyết vấn đề hạt nhân của Triều Tiên bị đình trệ vào ngày 14 tháng 4 năm 2009, Trung Quốc đã ủng hộ các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (UNSC) về các lệnh trừng phạt đối với Triều Tiên (ít nhất là trên văn bản). Sự kiện này kéo theo những căng thẳng trong quan hệ hai nước, đặc biệt sau khi Kim Jong-un lên nắm quyền. Các vụ thử vũ khí liên tục của Bình Nhưỡng thời gian này không chỉ thách thức sự kiên nhẫn của Bắc Kinh mà còn làm suy giảm uy tín của Kim Jong-un đối với Trung Quốc. Thậm chí Trung Quốc đã không ngần ngại ủng hộ Mỹ trong việc bỏ phiếu các lệnh trừng phạt của Liên hợp quốc đối với Triều Tiên. Quan hệ giữa Kim Jong-un và Bắc Kinh trở nên đặc biệt căng thẳng sau khi chính trị gia Jang Song-thaek “ngã ngựa”. Sự kiện này khiến Trung Quốc không khỏi bất bình vì Jang Song-thaek vốn được coi là cầu nối chính trị giữa hai quốc gia. Hơn nữa, những vụ thử vũ khí của Bình Nhưỡng ngay sau khi Kim Jong-un lên nắm quyền cho thấy nhà lãnh đạo Triều Tiên ít có xu hướng lắng nghe và nhượng bộ Trung Quốc như cha mình. Kim Jong-un xây dựng hình ảnh một đồng minh khó kiểm soát, khiến mối quan hệ giữa hai nước rơi vào trạng thái ngờ vực và đôi khi là đối địch trong suốt gần chín năm.

Mặc dù trải qua nhiều căng thẳng nhưng sự phụ thuộc của Triều Tiên vào Trung Quốc dường như lại tăng lên sau khi các lệnh trừng phạt Triều Tiên được thực thi. Thương mại năm 2016 giữa Trung Quốc và Triều Tiên đạt 5,51 tỷ USD, chiếm khoảng 91,5% tổng kim ngạch thương mại của Triều Tiên (trước đây là khoảng 70%)³, sau đó đạt mức cao kỷ lục khoảng 95,8% năm 2017⁴. Mối quan hệ kinh tế này phản ánh tính toán chiến lược của Trung Quốc. Theo quan điểm an ninh của Trung Quốc, ổn định trên bán đảo Triều Tiên chính là sự bảo đảm lợi ích của họ. Vì vậy, Trung Quốc không dễ dàng quay lưng lại với Triều Tiên. Cho dù có mâu thuẫn nhưng Trung Quốc vẫn tiếp tục duy trì một “sợi dây” kết nối chặt chẽ với nền kinh tế Triều Tiên.

² In-soo Nam, “Did North Korea’s Economy Expand Again?”, *The Wall Street Journal* (blog), July 12, 2013, <https://www.wsj.com/articles/BL-KRTB-3919>, accessed July 14, 2025.

³ Boydston, Kent, “North Korea's Trade and the KOTRA Report”, *Peterson Institute for International Economics (PIIE)* (2017): 1-5; Zhao Suisheng (1997), “The Sino-Japanese War (1894-1985),” in *Power Competition in East Asia* (New York: St. Martin’s Press, 1997): 45-50.

⁴ Yang, EunSook, “The Two Koreas’ Relations with China: Vision and Challenge”, *Revista UNISCI* No. 52 (January 2020), 69-90.

3. Thực trạng quan hệ kinh tế Triều Tiên - Trung Quốc

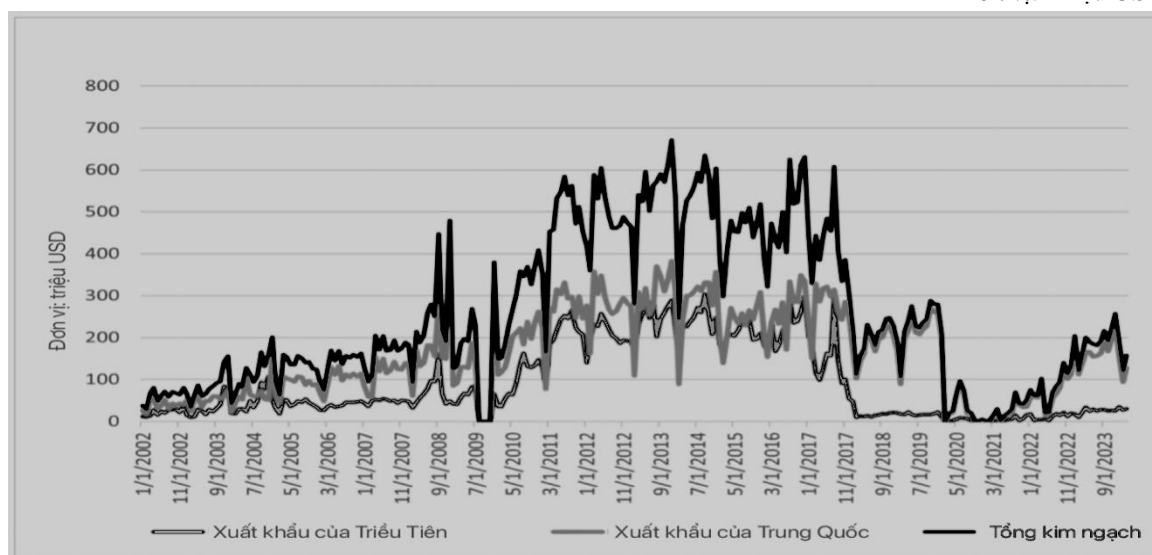
3.1. Trong lĩnh vực thương mại

Trung Quốc là đối tác thương mại chủ yếu của Triều Tiên, chiếm tới 95,8% tổng kim ngạch thương mại của nước này. Tuy nhiên, nghiên cứu về mối quan hệ kinh tế giữa hai nước rất khó khăn do Triều Tiên coi các số liệu thống kê là bí mật quốc gia. Các nhà phân tích chủ yếu dựa vào dữ liệu của hải quan Trung Quốc và các thống kê đối chiếu để hiểu rõ hơn về thương mại giữa hai nước. Dữ liệu thương mại của Trung Quốc mặc dù được coi là tương đối chính xác nhưng lại thiếu sót trong các khía cạnh quan trọng như thương mại dịch vụ và các giao dịch tài chính. Ngoài ra, Trung Quốc thường không đưa vào báo cáo danh mục các mặt hàng thương mại có tính chiến lược, chẳng hạn như xuất khẩu dầu.

Mối quan hệ thương mại giữa Triều Tiên và Trung Quốc từ lâu đã đóng vai trò quan trọng trong bức tranh kinh tế đối ngoại của Triều Tiên, đặc biệt trong bối cảnh nước này chịu sự cô lập từ nhiều quốc gia khác. Hình 1 cung cấp cái nhìn rõ nét về thương mại giữa Trung Quốc và Triều Tiên trong bối cảnh khủng hoảng hạt nhân, đồng thời nêu bật một số đặc điểm quan trọng của mối quan hệ song phương này.

Hình 1. Thương mại Triều Tiên - Trung Quốc

Đơn vị: Triệu USD



Nguồn: Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc (2017-2023) và Dữ liệu EPS Trung Quốc (2012-2016).

Giai đoạn Hồ Cẩm Đào nắm quyền ở Trung Quốc (2003-2013) không chỉ đánh dấu việc Triều Tiên mở cửa từng bước mà còn khởi đầu cho một chu kỳ dài về giá cả hàng

hóa, góp phần đáng kể vào sự gia tăng thương mại giữa hai nước. Kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Triều Tiên luôn cao hơn so với chiều ngược lại, điều này cho thấy Triều Tiên bị thâm hụt thương mại kéo dài. Dù Trung Quốc có thể tìm cách giảm bớt thâm hụt thông qua các mối quan hệ kinh tế với những nước khác, nhưng khả năng này đối với Triều Tiên dường như là rất thấp. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng thâm hụt trong thương mại hàng hóa với Trung Quốc có thể được thu hẹp bằng cách bù đắp từ thương mại dịch vụ (không được ghi nhận trong dữ liệu báo cáo về thương mại hàng hóa của Trung Quốc), đặc biệt là từ các lĩnh vực như du lịch và xuất khẩu lao động. Sự thâm hụt này cũng chỉ ra khả năng Trung Quốc có thể sẽ nhượng bộ thông qua một số hình thức như cho vay ngân hàng, viện trợ hoặc có thể là khấu trừ nợ từ các công ty Trung Quốc.

Sau giai đoạn tăng trưởng vào cuối thời kỳ lãnh đạo của Kim Jong-il, mối quan hệ thương mại giữa Triều Tiên và Trung Quốc rơi vào trạng thái đình trệ dưới thời Kim Jong-un (kể từ năm 2011). Mặc dù kim ngạch thương mại vẫn duy trì ở mức cao hơn so với trước đây nhưng không có sự mở rộng đáng kể nào. Giai đoạn tăng trưởng thương mại chững lại này trùng với việc các lệnh trừng phạt đa phương bắt đầu có hiệu lực đối với Triều Tiên. Tuy nhiên, có lý do để tin rằng các lệnh trừng phạt không phải là nguyên nhân chính của sự chững lại này bởi phạm vi số lượng mặt hàng bị nhắm tới khá hạn chế và không thể gây ảnh hưởng lớn đến trao đổi thương mại giữa hai nước. Thay vào đó, nhiều quan điểm cho rằng đầu thời kỳ nắm quyền của Kim Jong-un, mối quan hệ chính trị giữa Bắc Kinh và Bình Nhưỡng có phần xa cách, từ đó có thể đã ảnh hưởng đến mối quan hệ kinh tế song phương. Trong giai đoạn này, Triều Tiên chủ yếu phụ thuộc vào thương mại với Hàn Quốc, trong đó sự phát triển của đặc khu kinh tế Kaesong đã góp phần giảm thiểu sức ảnh hưởng của thương mại Trung Quốc đối với nước này. Sự thành công của Kaesong đã thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai miền Triều Tiên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Tuy nhiên, tình hình này đã bị đảo ngược khi Hàn Quốc quyết định cắt đứt quan hệ ngoại giao với Triều Tiên vào năm 2016. Quyết định này không chỉ ảnh hưởng đến mối quan hệ liên Triều mà còn mở đường cho sự gia tăng vai trò của Trung Quốc trong các hoạt động thương mại của Triều Tiên.

Từ năm 2017 trở về sau, thương mại song phương giữa Triều Tiên và Trung Quốc đã có sự tái cấu trúc bởi hai sự kiện. Đầu tiên, sau một thời gian dài tranh luận về cách xử lý tham vọng hạt nhân của Triều Tiên, Trung Quốc đã đồng ý với Mỹ và các đồng minh rằng cần phải thắt chặt các lệnh trừng phạt đối với quốc gia này. Sự kiện thứ hai đến từ phản ứng mạnh mẽ của Triều Tiên đối với đại dịch COVID-19. Triều Tiên đã

quyết định đóng cửa hoàn toàn biên giới, ngừng tiếp nhận mọi hình thức nhập cảnh, bao gồm cả người, hàng hóa, phương tiện và tàu thuyền... Theo số liệu chính thức, xuất khẩu của Trung Quốc sang Triều Tiên giảm mạnh vào đầu năm 2020 và chỉ bắt đầu phục hồi dần dần từ năm 2022.

Bảng 1. Các mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Triều Tiên sang Trung Quốc giai đoạn 2022-2023

Đơn vị: Triệu USD

Mặt hàng xuất khẩu	Giá trị (2023)	Tỷ lệ (%) 2022	Tỷ lệ (%) 2023
Tóc giả và lông mi giả	166,74	8,7	57,1
Hợp kim sắt	32,06	20,2	11,0
Tungsten và đá tungsten	25,94	23,1	8,9
Năng lượng điện	22,26	15,3	7,6
Quặng molybdenum	7,17	10,2	2,5
Kính	6,09	5,0	2,1
Carbide	5,39	3,3	1,8
Tơ tầm thô	4,41	6,6	1,5
Bộ chuyển động đồng hồ	4,06	1,3	1,4
Graphit nhân tạo	2,53	0,3	0,9

Nguồn: Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, <http://www.customs.gov.cn>

Bảng 1 cho thấy các mặt hàng bị cấm vận như than đá, quặng sắt hay hải sản của Triều Tiên không còn xuất hiện trong số liệu nhập khẩu chính thức của Trung Quốc giai đoạn 2022-2023, thay vào đó là các mặt hàng hợp pháp và ít nhạy cảm hơn. Tóc giả và lông mi giả tăng vọt, chiếm hơn 57% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong khi các mặt hàng khoáng sản như tungsten, hợp kim sắt hay quặng molybdenum (vốn không nằm trong danh mục trừng phạt) tiếp tục duy trì ở mức ổn định nhưng với tỷ trọng giảm đáng kể. Trong bối cảnh thương mại bị ảnh hưởng nặng nề bởi các lệnh trừng phạt quốc tế, Triều Tiên đã chuyển sang các hình thức thương mại không chính thức để duy trì hoạt động kinh tế. Việc xuất khẩu (không chính ngạch) than, dầu mỏ tinh chế và các sản phẩm khác là minh chứng rõ ràng cho việc Triều Tiên đã và đang tìm cách né tránh các biện pháp trừng phạt. Theo các báo cáo từ Liên hợp quốc, các tàu buôn lậu dầu và than đá từ Triều Tiên đã hoạt động mạnh mẽ trong các năm 2020 và 2021. Điều này chứng tỏ mặc dù Trung Quốc thực hiện áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với Triều Tiên trong khuôn khổ các nghị quyết quốc tế, nhưng hoạt động

thương mại không chính thức vẫn tồn tại, giúp Triều Tiên duy trì các hoạt động kinh tế sống còn. Báo cáo của PoE⁵ năm 2020 ghi nhận Triều Tiên đã nhập khẩu dầu khối lượng lớn từ Trung Quốc, xuất khẩu than và cát, bán quyền đánh bắt cá cho Trung Quốc, mua bán tiền ảo... Những điều này không xuất hiện trong số liệu thống kê thương mại của Trung Quốc vì chúng hoặc là cấu thành các giao dịch dịch vụ (như trường hợp bán quyền đánh bắt cá) hoặc là hoạt động thương mại không chính thức⁶.

Như vậy, thương mại với Trung Quốc là công cụ quan trọng của Triều Tiên trong việc duy trì quyền lực và ổn định xã hội. Mối quan hệ thương mại với Trung Quốc một mặt cung cấp cho Triều Tiên các nguồn lực cần thiết để đối phó với các lệnh trừng phạt và khủng hoảng nội bộ, mặt khác đặt Triều Tiên vào một vị thế phụ thuộc, có thể ảnh hưởng đến khả năng tự quyết của nước này.

3.2. Trong lĩnh vực đầu tư

Hiện nay, quan hệ đầu tư giữa Trung Quốc và Triều Tiên chủ yếu được thể hiện qua dòng vốn đầu tư trực tiếp (FDI) từ Trung Quốc vào Triều Tiên, trong khi chiều ngược lại gần như không đáng kể. Tuy nhiên, việc đánh giá chính xác quy mô và cơ cấu đầu tư trực tiếp của Trung Quốc vào Triều Tiên gặp nhiều trở ngại do thiếu cơ sở dữ liệu. Các báo cáo chính thức từ Bộ Thương mại Trung Quốc cho thấy FDI vào Triều Tiên đạt 485,21 triệu USD năm 2018, chiếm 57% tổng vốn đầu tư vào Triều Tiên năm đó (846,71 triệu USD)⁷. Năm 2012, thị phần đầu tư FDI của Trung Quốc cũng chiếm khoảng 53% (109,46 triệu USD), tuy nhiên số liệu thực tế có thể còn cao hơn do nhiều công ty không công bố đầy đủ, hoặc do đây là các khoản đầu tư không chính thức.

Theo dữ liệu của Hội nghị Liên hợp quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD), FDI từ Trung Quốc vào Triều Tiên có xu hướng tăng mạnh trong giai đoạn 2000-2013, đặc biệt là năm 2008 và giai đoạn 2011-2013. Sự tăng trưởng này được lý giải là do nhu cầu về khoáng sản, các chính sách phát triển vùng Đông Bắc Trung Quốc và chiến lược “đi ra ngoài” của Bắc Kinh. Ngoài ra, kỳ vọng cải cách dưới thời Kim Jong-un cũng có thể đã thúc đẩy đầu tư. Tuy nhiên, đầu tư của Trung Quốc đã giảm mạnh sau vụ thử hạt nhân lần thứ ba và sự việc Jang Song-thaek “ngã ngựa”, sau đó

⁵ United Nations Security Council, “Report of the Panel of Experts established pursuant to resolution 1874 (2009)”, March 2021, <https://www.ncnk.org/sites/default/files/content/resources/publications/UN-Panel-of-Experts-Report-May-2011.pdf>.

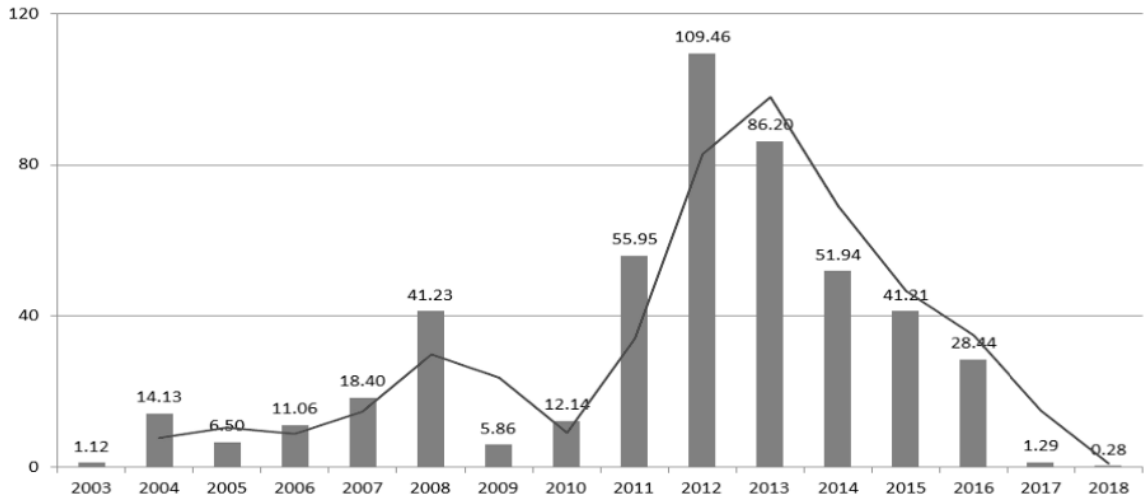
⁶ United Nations, “Security Council Committee established pursuant to resolution 1718”, <https://main.un.org/securitycouncil/en/sanctions/1718>.

⁷ UNCTAD STAT (검색일: 2021.3.10).

Nghị quyết 2397 năm 2017 của Liên hợp quốc đã khiến FDI vào Triều Tiên gần như bị đình chỉ.

Hình 2. Đầu tư của Trung Quốc vào Triều Tiên giai đoạn 2003-2018

Đơn vị: Triệu USD



Chú thích: Cột xám thể hiện giá trị đầu tư từng năm; đường kẻ đen biểu thị xu hướng biến động theo thời gian.

Nguồn: Jong-gyu Lee, “Trends and Key Issues in North Korea’s Foreign Direct Investment”, *Korea Development Institute (KDI)*, November 17, 2021.

Dữ liệu chi tiết từ tổ chức Open Source Center, thuộc Chính phủ Mỹ cho thấy từ năm 1985-2011, có 205 công ty Trung Quốc đầu tư vào Triều Tiên (chiếm 58% tổng số công ty nước ngoài đầu tư), nhưng chỉ có 85 công ty xác nhận số tiền đầu tư. Mặc dù đầu tư nước ngoài giảm mạnh sau vụ thử hạt nhân năm 2006 nhưng vẫn có tới 43 công ty Trung Quốc đầu tư vào năm đó, cho thấy vai trò ổn định của Trung Quốc ngay cả trong thời kỳ căng thẳng.

Về cơ cấu ngành, Trung Quốc tập trung đầu tư vào khai thác mỏ (41%), tiếp theo là công nghiệp nhẹ (12%), dịch vụ (11%), công nghiệp nặng, xây dựng (10%) và thực phẩm/nông nghiệp (10%). Trong khi đó, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước châu Âu đầu tư vào các ngành đa dạng hơn như hóa chất, ô tô, du lịch, công nghệ thông tin và tài chính. Ở cấp độ doanh nghiệp, Yanbian Tianji Industry and Trade Co., Ltd. là nhà đầu tư lớn nhất, đầu tư 863 triệu USD vào mỏ Musan năm 2005. Orascom (Ai Cập) đầu tư 400 triệu USD năm 2008 và tiếp tục các dự án khác trong ngành viễn thông, vật liệu xây dựng⁸.

⁸ Open Source Center, “North Korea - Characteristics of Joint Ventures with Foreign Partners, 2004-2011”, *OSC Report* (March 1, 2012): 3.

Một số tổ chức như Viện Peterson (PIIE) hay Viện Nghiên cứu Tài nguyên Triều Tiên cũng thu thập dữ liệu đầu tư vào Triều Tiên, tuy nhiên các dữ liệu này chỉ phản ánh một phần bức tranh. Chênh lệch lớn giữa các nguồn số liệu khiến việc đánh giá quy mô FDI vào Triều Tiên càng trở nên phức tạp. Ví dụ, theo Bộ Thương mại Trung Quốc, lũy kế đầu tư đến năm 2015 chỉ đạt 460 triệu USD⁹, tuy nhiên, theo dữ liệu tổng hợp từ 372 doanh nghiệp Trung Quốc đầu tư tại Triều Tiên giai đoạn 2000–2015, quy mô thực tế có thể lên tới 3,51 tỷ USD¹⁰. Sự khác biệt này xuất phát từ việc nhiều khoản đầu tư không được ghi nhận chính thức, nhất là các dự án hạ tầng hoặc các hợp đồng trao đổi tài nguyên.

Như vậy, mức đầu tư của Trung Quốc vào Triều Tiên được đánh giá cao hay thấp tùy thuộc vào phương pháp thu thập và phân loại dữ liệu. Bất cập một phần xuất phát từ việc một bộ phận không nhỏ các dự án do doanh nghiệp Trung Quốc triển khai tại Triều Tiên được thực hiện theo hình thức hợp đồng EPC hoặc thầu xây dựng, trong đó Triều Tiên vay vốn từ các định chế tài chính của Trung Quốc để chi trả cho nhà thầu Trung Quốc. Các khoản này trên thực tế là vốn vay mang tính thương mại, không tạo ra quyền sở hữu hay kiểm soát của phía Trung Quốc đối với tài sản tại Triều Tiên, nhưng trong một số báo cáo doanh nghiệp lại bị tính gộp vào dòng vốn FDI, khiến số liệu bị phóng đại. Ngược lại, vẫn tồn tại các khoản đầu tư không được công bố hoặc ghi nhận đầy đủ, đặc biệt trong lĩnh vực khai khoáng và cơ sở hạ tầng, tiếp tục làm gia tăng độ nhiễu của dữ liệu. Điều này cho thấy cần phân biệt rõ ràng giữa vốn đầu tư trực tiếp thực chất và dòng tài chính vay mượn nhằm tránh đánh giá sai lệch mức độ can dự kinh tế của Trung Quốc tại Triều Tiên.

3.3. Trong lĩnh vực viện trợ

Viện trợ của Trung Quốc cho Triều Tiên từ lâu là chủ đề gây nhiều tranh cãi do thiếu minh bạch về dữ liệu. Viện trợ của Trung Quốc bắt đầu dưới hình thức quân sự ngay từ những năm 50 của thế kỷ XX khi hai nước thiết lập “liên minh máu” trong Chiến tranh Triều Tiên. Sau Hiệp định đình chiến năm 1953, Trung Quốc đã xóa nợ thời chiến (720 triệu NDT) và viện trợ thêm 800 triệu NDT cho Triều Tiên¹¹. Trong giai đoạn Chiến tranh Lạnh, viện trợ của Trung Quốc là một phần trong chiến lược củng cố liên minh xã hội chủ nghĩa, đặc biệt khi quan hệ Trung - Xô trở nên căng

⁹ Ministry of Commerce of the People’s Republic of China, “Concise Statistics of China’s Overseas Direct Investment”, 2023, <https://fdi.mofcom.gov.cn/EN/come-datatongji-con.html?id=15931>

¹⁰ Lee, Jong-gyu, “Trends and Issues of Foreign Direct Investment in North Korea”, KDI Policy Study Series 2021-07, Korea Development Institute, 2021.

¹¹ Park, Jiyoun and Kim, Eunsuk, “China’s Aid to North Korea, Is It Exceptional?”, *International Journal of Korean Unification Studies*, Vol. 26, No. 2 (2017): 67-94.

thăng vào cuối những năm 1950. Mỗi quan hệ viện trợ được chính thức hóa bằng Hiệp ước Hữu nghị, hợp tác và tương trợ năm 1961. Tuy nhiên sau khi tiến hành cải cách mở cửa, Trung Quốc đã chuyển sang chính sách viện trợ thực dụng hơn, theo đó ngừng hỗ trợ miễn phí và dần thay đổi mô hình thương mại từ “giá hữu nghị” sang thanh toán tiền mặt. Sự thay đổi này đặc biệt rõ nét từ sau khi Trung Quốc bình thường hóa quan hệ với Hàn Quốc năm 1992.

Gần đây, viện trợ của Trung Quốc cho Triều Tiên đã mở rộng sang lĩnh vực cơ sở hạ tầng, đặc biệt ở các khu vực biên giới. Phân tích theo ngành cho thấy viện trợ của Trung Quốc cho Triều Tiên tập trung chủ yếu vào cơ sở hạ tầng công cộng và cơ sở hạ tầng kinh tế, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng viện trợ. Năm 2006, các mặt hàng chính trong các khoản tài trợ chính thức của Trung Quốc bao gồm các sản phẩm không xác định và hàng hóa thương mại khác, trị giá 37 triệu USD, chiếm gần 40% tổng giá trị viện trợ; tiếp theo là thiết bị liên quan đến máy tính, bao gồm máy móc và các sản phẩm điện tử. Trong giai đoạn 2001-2006, ngũ cốc, thịt và các mặt hàng thực phẩm thiết yếu để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt của người dân Triều Tiên chiếm phần lớn trong xuất khẩu của Trung Quốc sang Triều Tiên. Tuy nhiên, kể từ năm 2007, xuất khẩu ngũ cốc đã giảm đáng kể, thay vào đó giai đoạn 2007-2012, các mặt hàng viện trợ chính của Trung Quốc chuyển sang thiết bị điện phục vụ đời sống hàng ngày, hàng nhựa, nhiên liệu, máy móc và các mặt hàng công nghiệp khác. Xu hướng này tiếp tục kéo dài đến năm 2015, cho thấy sự thay đổi trong chiến lược viện trợ của Trung Quốc, từ hỗ trợ các nhu yếu phẩm cơ bản sang tập trung vào các mặt hàng liên quan đến công nghiệp và tiêu dùng. Từ sau năm 2016, do sự siết chặt của các lệnh trừng phạt quốc tế, viện trợ công khai của Trung Quốc cho Triều Tiên hầu như dừng lại và được chuyển sang các hình thức hỗ trợ gián tiếp hoặc phi chính thức.

Kể từ đại dịch COVID-19, nhu cầu hàng hóa thiết yếu như thực phẩm và vật tư y tế tại Triều Tiên tăng mạnh, trong khi các lệnh trừng phạt quốc tế vẫn duy trì. Vì vậy, Trung Quốc đã điều chỉnh viện trợ để duy trì ổn định xã hội Triều Tiên. Dữ liệu thị trường cho thấy, giá lương thực và nhiên liệu tại Triều Tiên giữ ổn định trong đại dịch. Điều này cho thấy nguồn cung từ Trung Quốc đủ để đáp ứng nhu cầu của Triều Tiên¹², nhưng cũng làm tăng sự phụ thuộc của nước này vào nguồn viện trợ của Trung Quốc.

4. Một số nhận xét, đánh giá

Quan hệ thương mại giữa Triều Tiên và Trung Quốc là trụ cột lớn nhất trong mối quan hệ kinh tế song phương và cũng là hình thức giao lưu kinh tế nổi bật nhất giữa

¹² Jieun Kim, “Maritime Trade between North Korea and China Picks Up”, *Radio Free Asia*, December 15, 2021.

hai quốc gia. Từ đầu những năm 2000 đến khoảng năm 2015, thương mại giữa hai nước phát triển mạnh mẽ, phần lớn nhờ vào sự hỗ trợ của Trung Quốc và nỗ lực mở cửa từng phần của Triều Tiên. Trung Quốc nhanh chóng trở thành đối tác thương mại chủ yếu, chiếm hơn 95,8% tổng kim ngạch ngoại thương của Triều Tiên. Tuy nhiên, đây là mối quan hệ bất đối xứng rõ rệt khi Triều Tiên phụ thuộc sâu sắc vào Trung Quốc. Bắc Kinh vẫn giữ thế chủ động trong việc điều chỉnh mức độ hỗ trợ thương mại tùy theo tình hình địa chính trị và vấn đề hạt nhân của Bình Nhưỡng. Bên cạnh thương mại chính thức, các hoạt động thương mại phi chính thức cũng đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh các kênh giao dịch chính thức thường xuyên bị siết chặt. Triều Tiên đã tăng cường sử dụng các biện pháp trao đổi hàng hóa phi chính thức, từ than đá, dầu mỏ tinh chế đến bán quyền đánh bắt cá, xuất khẩu nhân lực, nhưng hầu hết chúng không được phản ánh trong các thống kê thương mại chính thức.

Về tổng thể, quan hệ thương mại giữa hai nước mang tính chất sống còn đối với Triều Tiên nhưng thiếu ổn định và chưa tạo ra nền tảng phát triển bền vững. Trung Quốc giữ vai trò quyết định, trong khi Bình Nhưỡng vẫn xoay sở để duy trì sự tự chủ chiến lược bất chấp sự phụ thuộc kinh tế ngày càng rõ rệt. Tuy nhiên, gần đây mối quan hệ Nga - Triều đang có những bước cải thiện mạnh mẽ, đặc biệt kể từ sau xung đột tại Ukraine. Moskva và Bình Nhưỡng hiện đang thúc đẩy trao đổi kinh tế và thương mại song phương thông qua các chuyến thăm cấp cao, ký kết thỏa thuận mới về hợp tác năng lượng, thương mại vũ khí, xuất khẩu lao động và cung ứng lương thực, tạo cơ hội để Triều Tiên từng bước đa dạng hóa đối tác và giảm nhẹ phần nào áp lực phụ thuộc vào Trung Quốc.

So với thương mại, đầu tư trực tiếp từ Trung Quốc vào Triều Tiên diễn ra với quy mô nhỏ và mang tính ngắn hạn, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực khai thác tài nguyên như khoáng sản, than đá và một số ngành sản xuất đơn giản. Giai đoạn đầu những năm 2000, dòng vốn từ Trung Quốc gia tăng, nhưng phần lớn đến từ các doanh nghiệp tư nhân nhỏ, chủ yếu tập trung khai thác tài nguyên, không có sự tham gia của doanh nghiệp nhà nước lớn như cách mà Trung Quốc thường làm trong các dự án “Vành đai và Con đường” sau này. Điều này phần nào phản ánh sự do dự của Bắc Kinh trong việc gắn lợi ích chiến lược dài hạn với Bình Nhưỡng, cũng như những lo ngại về rủi ro địa chính trị và pháp lý trong môi trường đầu tư bất định của Triều Tiên. Về mặt tác động lan tỏa, các nghiên cứu đều chỉ ra rằng đầu tư của Trung Quốc vào Triều Tiên chưa tạo hiệu quả rõ rệt. Về bản chất, đầu tư của Trung Quốc chủ yếu mang tính thực dụng và ngắn hạn, nhằm duy trì ảnh hưởng trong khu vực hơn là hỗ trợ sự phát triển

nội bộ của Triều Tiên. Như D. Thompson lưu ý, sự hiện diện của đầu tư Trung Quốc khiến Bắc Kinh khó có thể ủng hộ các lệnh trừng phạt quốc tế khắc nghiệt do lo ngại về lợi ích kinh doanh trong nước¹³. Đồng thời, các liên doanh Trung - Triều từng được kỳ vọng là phương tiện để truyền bá “mô hình cải cách mở cửa” của Trung Quốc cuối cùng đã không mang lại kết quả rõ rệt¹⁴. Báo cáo năm 2022 của Ủy ban Đánh giá kinh tế và an ninh Mỹ - Trung cho thấy đầu tư của Trung Quốc vào Triều Tiên đã giảm đáng kể từ năm 2017, khi các lệnh trừng phạt quốc tế được thắt chặt¹⁵.

Về viện trợ, Trung Quốc là nhà viện trợ song phương lớn nhất cho Triều Tiên trong nhiều thập kỷ. Tuy nhiên, viện trợ này không được triển khai theo mô hình viện trợ ODA như của các nước OECD, mà chủ yếu mang động cơ chiến lược nhằm đảm bảo ổn định khu vực và duy trì vai trò vùng đệm của Triều Tiên trước sự hiện diện quân sự của Mỹ. Viện trợ từ Bắc Kinh chủ yếu bao gồm lương thực, nhiên liệu, phân bón và các nhu yếu phẩm cơ bản, những yếu tố duy trì ổn định xã hội ở Bình Nhưỡng, hơn là hỗ trợ công nghiệp hóa hay cải cách kinh tế. Viện trợ của Trung Quốc thường không kèm theo “điều kiện”, tức không yêu cầu Triều Tiên thực hiện cải cách mở cửa thị trường. Điều này không gây ra những áp lực buộc Triều Tiên phải thay đổi mô hình phát triển hiện tại. Viện trợ của Trung Quốc vì thế trở thành công cụ duy trì hiện trạng thay vì tạo động lực đổi mới. Hiện nay, trong bối cảnh các lệnh trừng phạt quốc tế ngày càng nghiêm ngặt, Triều Tiên hầu như không còn kênh viện trợ nào đáng kể ngoài Trung Quốc. Điều này tạo ra sự phụ thuộc chặt chẽ nhưng không đồng nghĩa với việc Bình Nhưỡng hoàn toàn chịu sự chi phối của Trung Quốc. Thực tế lịch sử cho thấy kể cả trong thời kỳ phụ thuộc vào viện trợ của Liên Xô và Trung Quốc trong khoảng những năm 1960-1980, Triều Tiên vẫn giữ lập trường cứng rắn về chính sách đối ngoại và phát triển độc lập. Có thể nói, viện trợ từ Trung Quốc là một phần không thể thiếu giúp Triều Tiên duy trì sự tồn tại, nhưng còn hạn chế trong đóng góp cho phát triển dài hạn của Triều Tiên.

Kết luận

Quan hệ kinh tế giữa Triều Tiên và Trung Quốc là một ví dụ điển hình về mô hình hợp tác quốc tế mang tính chất vừa phụ thuộc, vừa dè chừng, trong đó yếu tố địa chính trị luôn chi phối mạnh mẽ các quyết định kinh tế. Từ những năm 50 của thế kỷ XX, Trung Quốc đã đóng vai trò là đối tác chủ lực cung cấp lương thực, năng lượng

¹³ Thompson, Drew, “Silent Partners: Chinese Joint Ventures in North Korea”, *U.S.-Korea Institute, Johns Hopkins University School of Advanced International Studies*, February 2011.

¹⁴ Thompson, Drew, “Silent Partners: Chinese Joint Ventures in North Korea”, 6, tđđ.

¹⁵ Frohman, Ben; Rafaelof, Emma; Dale-Huang, Alexis, “The China-North Korea Strategic Rift”, *U.S.-China Economic and Security Review Commission*, 2022.

và nguyên vật liệu cho Triều Tiên, giúp nước này vượt qua các giai đoạn khủng hoảng, đặc biệt trong bối cảnh bị cô lập do các lệnh trừng phạt quốc tế.

Quan hệ kinh tế Triều - Trung xét trên cả ba trụ cột thương mại, đầu tư và viện trợ đều cho thấy mức độ phụ thuộc cao của Triều Tiên. Tuy nhiên, mối quan hệ này không mang tính “lệ thuộc tuyệt đối”, bởi Bình Nhưỡng vẫn tìm cách giữ thể chủ động chính trị của họ. Trung Quốc dù giữ vai trò then chốt trong việc duy trì sự sống còn của kinh tế Triều Tiên lại chưa thể (hoặc chưa muốn) thúc đẩy một chiến lược phát triển toàn diện đối với nước láng giềng. Hệ quả là Triều Tiên tiếp tục duy trì mô hình kinh tế dựa trên thương mại phi chính thức, đầu tư ngắn hạn và viện trợ thay vì đi theo hướng tăng trưởng bền vững và cải cách sâu rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- International Crisis Group. *Shades of Red: China's Debate over North Korea*. Asia Report No. 179, November 2009.
- In-soo Nam. “Did North Korea's Economy Expand Again?”. *The Wall Street Journal* (blog), July 12, 2013, <https://www.wsj.com/articles/BL-KRTB-3919>, accessed July 14, 2025.
- Boydston, Kent. “North Korea's Trade and the KOTRA Report”. *Peterson Institute for International Economics (PIIE)*, 2017, <https://www.piie.com/blogs/north-korea-witness-transformation/north-koreas-trade-and-kotra-report>.
- Zhao Suisheng. “The Sino-Japanese War (1894-1985)”. In *Power Competition in East Asia*. New York: St. Martin's Press, 1997.
- Duchâtel, Mathieu and Schell, Phillip. “China's Policy on North Korea: Economic Engagement and Nuclear Disarmament”. *SIPRI Policy Paper 40*. Solna, Sweden: Stockholm International Peace Research Institute, 2013.
- Thompson, Drew. “Silent Partners: Chinese Joint Ventures in North Korea”. *U.S.-Korea Institute, Johns Hopkins University School of Advanced International Studies*, February 2011.
- Yang, EunSook. “The Two Koreas' Relations with China: Vision and Challenge”. *Revista UNISCI*, No. 52, January 2020.
- United Nations. “Security Council Committee established pursuant to resolution 1718”, S/2020/840 and S/2020/840/Corr.1.
- UNCTAD STAT (accessed March 10, 2021), <https://unctadstat.unctad.org>.
- Open Source Center. “North Korea - Characteristics of Joint Ventures with Foreign Partners, 2004-2011”. *OSC Report*, March 1, 2012.
- Ministry of Commerce of the People's Republic of China. *Annual Report on China's Outward Foreign Direct Investment 2021 & 2022*.
- Gonzalez-Vicente, R. “Mapping Chinese Mining Investment in Latin America: Politics or Market?”. *The China Quarterly*, No. 209 (2012).
- Park, Jiyoung and Kim, Eunsuk. “China's Aid to North Korea, Is It Exceptional?”. *International Journal of Korean Unification Studies*, Vol. 26, No. 2 (2017): 67-94.
- Frohman, Ben; Rafaelof, Emma; Dale-Huang, Alexis. *The China-North Korea Strategic Rift*. U.S.-China Economic and Security Review Commission, 2022.
- Jong-gyu Lee, *Trends and Key Issues in North Korea's Foreign Direct Investment*. Korea Development Institute (KDI), November 17, 2021.